

Bản án số: 18/2019/DS-PT

Ngày: 26/02/2019

Về vụ án yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu và hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền
sở hữu nhà ở và tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lã Thị Tú Anh -

Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 22/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản” do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1170/2019/QĐ-CC ngày 29 tháng 01 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Danh Nh, sinh năm 1965; trú tại: Thôn Quan Nội 5, xã H, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1988; trú tại: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2016); có mặt.

2. Bị đơn: Văn phòng công chứng T, trụ sở: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Xuân Th - Trưởng Văn phòng; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cụ Nguyễn Danh S, sinh năm 1931; trú tại: Số nhà 31, tiểu khu P 2, phường T, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1954; trú tại: Phường H, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959, trú tại: Thôn 7, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Danh S, sinh năm 1960; trú tại: Phường H, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Danh S1, sinh năm 1971; trú tại: phường T, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; trú tại: Thôn 9, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền là ông L- Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt:

+ Ủy ban nhân dân thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: Ông Vũ Đức K- Phó Chủ tịch UBND thành phố Th (Văn bản ủy quyền số 290/QĐ-UBND ngày 07/01/2019); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2016 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Danh Nh trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Danh S và cụ Nguyễn Thị Th2 tạo lập được khối tài sản là 535m² đất tại Tiểu khu P 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường T, thành phố Th). Cụ S1, cụ Th2 sinh được 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Danh S, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Danh S1 và ông.

Ngày 13/01/2005, cụ Th2 chết không để lại di chúc. Sau khi mẹ ông chết, ông có đề nghị bố ông chia di sản thừa kế do mẹ để lại cho ông lấy đất sinh

sống, nhưng bố ông không đồng ý, sau đó vì điều kiện khó khăn ông phải vào miền Nam đi làm kinh tế cho đến nay.

Tháng 5/2016, khi từ miền Nam về quê giải quyết việc riêng, ông mới biết được sự việc di sản do mẹ ông để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất diện tích $535m^2$ tại tiểu khu P 2, phường T, thành phố Th đã được bố ông sang tên cho bố, anh trai và em trai ông.

Quá trình tìm hiểu, ông được biết ngày 21/5/2012 Văn phòng công chứng T đã lập và công chứng Văn bản phân chia di sản thừa kế, số công chứng 540, quyền số 01/2012/TP/CC-SCC. Nội dung của văn bản phân chia di sản là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất do mẹ ông để lại cho các đồng thừa kế tại tiểu khu P 2, phường T, thành phố Th, theo hướng các con gồm: Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Danh S, Nguyễn Thị L, Nguyễn Danh S1 và Nguyễn Danh Nh đồng ý tặng cho kỷ phần mà mỗi người được hưởng cho bố là cụ Nguyễn Danh S được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt di sản.

Khi đến Văn phòng công chứng T để tìm hiểu rõ sự việc, ông được Văn phòng công chứng cung cấp bản photo một số giấy tờ liên quan như: Văn bản phân chia di sản thừa kế, giấy chứng tử của mẹ ông - cụ Nguyễn Thị Th2, giấy ủy quyền đề ngày 07/5/2012 đứng tên người ủy quyền là ông Nguyễn Danh Nh (vào thời điểm tháng 5/2012 ông đang đi làm kinh tế trong miền Nam, không có mặt tại Thanh Hóa) ủy quyền cho bố ông là cụ Nguyễn Danh S...

Ông Nh cho rằng việc Văn phòng công chứng lập, công chứng văn bản phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do mẹ ông để lại cho bố ông được hưởng toàn bộ di sản là vi phạm pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của ông vì:

- Giấy ủy quyền ngày 07/5/2012 là giả mạo: Như đã trình bày trên, thời điểm tháng 5/2012 ông đang đi làm kinh tế trong miền Nam, không có mặt tại Thanh Hóa và ông khẳng định chữ ký “Nhân”, chữ viết “Nguyễn Danh Nh” phía dưới mục “Người ủy quyền” trong giấy ủy quyền ngày 07/5/2012 không phải là chữ ký, chữ viết của ông Nh, giấy ủy quyền này là giả mạo. Việc Văn phòng công chứng T sử dụng giấy ủy quyền giả để công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của ông nên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 thuộc trường hợp vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo Điều 128 BLDS.

- Việc cụ Nguyễn Danh S định đoạt kỷ phần thừa kế của ông Nh trong văn bản phân chia di sản thừa kế là trái pháp luật. Khoản 5 Điều 144 Bộ luật dân sự

quy định: Người đại diện không được xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự với chính mình hoặc với người thứ ba mà mình cũng là người đại diện”. Mặt khác, căn cứ vào Văn bản phân chia di sản thừa kế do Văn phòng công chứng T lập ngày 21/5/2012, số công chứng 540, quyền số 01/2012/TP/CC-SCC. Ngày 27/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL505083 đối với diện tích 188,1m², thửa đất số 185a, Tờ bản đồ số 8, Bản đồ địa chính xã H (là một phần thửa đất số 363, Tờ bản đồ số 1, xã H là di sản do mẹ ông để lại cho các đồng thừa kế) cho bố ông là Nguyễn Danh S.

Tuy nhiên, do Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 thuộc trường hợp vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật nên việc Ủy ban nhân dân huyện H căn cứ vào văn bản phân chia di sản thừa kế để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL505083 cho bố ông là Nguyễn Danh S đối với thửa đất là di sản do mẹ ông để lại là không đúng đối tượng, xâm phạm quyền lợi của ông và các đồng thừa kế di sản của cụ Th2. Ông đề nghị tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế do Văn phòng công chứng T lập, công chứng ngày 21/5/2012, số công chứng 540, quyền số 01/2012/TP/CC-SCC vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 505083 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/6/2012 đứng tên cụ Nguyễn Danh S.

Bị đơn là Văn phòng Công chứng T do ông Đặng Xuân Th - Trưởng Văn phòng là người đại diện trình bày:

Ngày 15/3/2012, Văn phòng công chứng T nhận được hồ sơ của cụ Nguyễn Danh S, sinh năm 1931, trú tại Tiểu khu P 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa có phiếu yêu cầu công chứng, phân chia di sản thừa kế của vợ cụ là cụ Nguyễn Thị Th2 chết để lại. Theo giấy chứng tử số 08, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn T cấp ngày 13/02/2012 của người yêu cầu công chứng cung cấp thì cụ Nguyễn Thị Th2 chết ngày 13/01/2015; di sản cụ Th2 để lại gồm ½ thửa đất diện tích 535m²; trong đó đất ở là 330m², đất trồng cây lâu năm là 205m²; thửa đất số 363 Tờ bản đồ số 01; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 012323 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp, số vào sổ 22/UBHH/QSD Đ.

Theo bản khai quan hệ nhân thân của cụ Nguyễn Danh S ngày 15/3/2012 thì những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất là 07 người gồm chồng và 06 người con là: Nguyễn Danh Nh, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Danh S, Nguyễn Thị L, Nguyễn Danh S1. Cụ Th2 chết không để lại di chúc. Ngoài ra, người yêu cầu công chứng là cụ Nguyễn Danh S còn cung cấp toàn bộ giấy tờ tùy thân của 07 người thừa kế gồm: chứng minh

nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của tất cả 06 người con. Sau khi kiểm tra hồ sơ mà người yêu cầu công chứng cung cấp thì hồ sơ yêu cầu công chứng phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Danh S hoàn toàn hợp lệ. Văn phòng công chứng tiếp nhận hồ sơ giải quyết.

Ngày 16/3/2012, Văn phòng công chứng T lập Thông báo số 66 gửi Ủy ban nhân dân thị trấn T về việc niêm yết danh sách những người thừa kế và di sản thừa kế theo bản khai quan hệ nhân thân mà người yêu cầu công chứng là ông Nguyễn Danh S đã khai.

Ngày 12/5/2012, Ủy ban nhân dân thị trấn T có văn bản thông báo kết thúc niêm yết số 05/TB-UB. Nội dung thông báo đã niêm yết công khai về danh sách thừa kế và di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th2. Trong thời gian niêm yết không nhận được đơn thư khiếu nại, khiếu kiện nào.

Ngày 15/5/2012, người yêu cầu công chứng là cụ Nguyễn Danh S còn cung cấp thêm giấy ủy quyền của ông Nguyễn Danh Nh, bà Nguyễn Thị T (Giấy ủy quyền có nội dung, hình thức hợp lệ và có chính quyền địa phương chứng nhận).

Ngày 21/5/2012, Văn phòng công chứng T thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế. Các đồng thừa kế còn lại đã đọc văn bản phân chia di sản thừa kế đồng ý thống nhất ký vào văn bản trước mặt công chứng viên. Sau khi hoàn tất văn bản phân chia di sản thừa kế, cụ Nguyễn Danh S lập hợp đồng tặng cho hai người con trai là ông Nguyễn Danh S 90m² đất ở theo Hợp đồng tặng cho số 541 ngày 21/5/2012 và ông Nguyễn Danh S1 256m² đất, trong đó có 156,9m² đất ở, 100m² đất trồng cây lâu năm theo Hợp đồng tặng cho số 542 ngày 21/5/2012.

Như vậy, Văn phòng công chứng thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế và lập hợp đồng tặng cho tài sản hoàn toàn hợp pháp, đúng trình tự pháp luật công chứng theo yêu cầu của người công chứng. Văn phòng công chứng T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nh yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế do do Văn phòng công chứng T lập, công chứng ngày 21/5/2012 là vô hiệu và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân thành phố Th do ông Lê Văn Tú- Phó Chủ tịch UBND thành phố Th, là người đại diện theo ủy quyền của chủ tịch UBND thành phố Th có văn bản trình bày:

Căn cứ hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố được bàn giao từ Ủy ban nhân dân huyện H, các hồ sơ liên quan gồm: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Danh S1 và ông Nguyễn

Danh S nhận tặng cho một phần thửa đất của cụ Nguyễn Danh S; hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Danh S cấp đổi phần còn lại sau khi tặng cho.

Trong hồ sơ lưu trữ do Ủy ban nhân dân huyện H bàn giao không thể hiện việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Danh S, không có văn bản phân chia di sản thừa kế số 540, quyền số 01/2012, TP/CC-SCC do Văn phòng công chứng T lập, công chứng ngày 21/5/2012 như Thông báo của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ theo hồ sơ bàn giao và được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Danh S là chưa đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Danh S trình bày: Năm 2012 bố ông có gọi các con về họp gia đình để chia đất. Hai chị gái và một em gái không lấy đất mà nhường lại cho các cậu (phần của ông Nh, ông Nh để lại cho bố hưởng tuổi già). Năm 2016 ông Nh về đòi lại phần đất, nhưng bố đã bán xây mồ mả và nhà thờ.

Ông Nguyễn Danh S1 trình bày: Bố ông có chia đất cho ông Nh, nhưng ông không nhận và làm giấy ủy quyền cho bố ông, trước khi làm giấy ủy quyền ông Nh nhờ ông chở xuống Văn phòng tư pháp xã H, còn bố ông đi xe đạp xuống sau, khi cô thư ký đánh máy xong thì ông Nh ký, sau đó bố ông ký và đã xác nhận chữ ký của ông Nh, bố tôi là đúng sự thật, nếu nói chữ ký sai thì yêu cầu gọi ông Nh về đối chứng.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bố bà đã chia đất cho các con trai trong đó có ông Nguyễn Danh Nh (là em bà). Do ông Nh bảo còn đi ngoài đường nên đã viết giấy ủy quyền lại cho bố bà, viết giấy xong ông Nh nhờ ông Nguyễn Danh S1 chở xuống xã H trước, còn bố bà đạp xe xuống sau.

Bà Nguyễn Thị Th1 và Nguyễn Thị T trình bày: Văn bản phân chia di sản thừa kế không đảm bảo công bằng cho những người đồng thừa kế của mẹ các bà nên các bà đồng ý với nội dung khởi kiện của Nguyễn Danh Nh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bà.

Ủy ban nhân dân xã H trình bày: Ngày 07/5/2012, Ủy ban nhân dân xã H tiếp nhận hồ sơ xác nhận giấy ủy quyền của ông Nguyễn Danh Nh do cô Ngô Thị A - công chức Tư pháp hộ tịch và người ký giấy ủy quyền là ông Lê Duy C - Phó chủ tịch UBND xã H là người thay mặt Ủy ban nhân dân xã H xác nhận giấy ủy quyền giữa ông Nguyễn Danh Nh với cụ Nguyễn Danh S là đúng. Cô Ngô Thị A công chức Tư pháp hộ tịch khẳng định khi tiếp nhận hồ sơ giấy ủy quyền thì ông Nguyễn Danh Nh và cụ Nguyễn Danh S có mặt tại UBND xã H và ký trước mặt người thực hiện chứng thực.

Ủy ban nhân dân huyện H do ông L - đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện trình bày: Vì giấy ủy quyền ngày 07/5/2012 giữa ông Nh và Cụ S1 qua giám định xác định là giả mạo, nên đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cụ S1 vì đã xác định văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2015 là vô hiệu nên việc tặng cho quyền sử dụng đất là không hợp pháp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DSST ngày 14/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Danh Nh:

+ Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế do văn phòng công chứng T xác lập, công chứng ngày 21/5/2012, số công chứng số 540, quyển số 01/2012-TP/CC-SCC bị vô hiệu.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 505083 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/6/2012 đứng tên cụ Nguyễn Danh S.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 và 20/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Danh S, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Danh S có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 26/12/2017, bị đơn là Văn phòng công chứng T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Văn phòng công chứng T cho rằng giấy ủy quyền của ông Nh được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H chứng thực là hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ giấy ủy quyền của ông Nh được cơ quan giám định kết luận là giả mạo để giải quyết văn bản phân chia di sản thừa kế là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đối tượng khởi kiện trong vụ án và chi phí giám định mà Văn phòng công chứng phải chịu theo quyết định của bản án sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Cụ S1, ông S và bà L cho rằng ông Nh là người ký giấy ủy quyền và đề nghị nếu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cụ S1 thì xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S2 và ông S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã kết luận: Giấy ủy quyền ngày 07/5/2012 đã được giám định kết luận không phải là chữ ký, chữ viết của ông Nh. Giấy ủy quyền là một trong các căn cứ để Văn phòng công chứng T chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012. Mặt khác, nội dung Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 có nội dung Cụ S1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nh xác lập giao dịch dân sự cho chính Cụ S1 là không đúng quy định của pháp luật. UBND huyện H căn cứ Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 là văn bản vô hiệu để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cụ S1 là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 bị vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Cụ S1 là có căn cứ. Do ông Nguyễn Danh S có đơn kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông S2 ; không chấp nhận kháng cáo của Văn phòng công chứng T, cụ Nguyễn Danh S và bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Văn phòng công chứng T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cụ S1, bà L và ông S2 được gửi trong thời hạn và có nộp tạm ứng án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Danh S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo và Ủy ban nhân dân thành phố Th (không có kháng cáo) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Văn phòng công chứng T, cụ Nguyễn Danh S, ông Nguyễn Danh S1 và bà Nguyễn Thị L và đều đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt ông S2 và Ủy ban nhân dân thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Danh S và tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nêu trên.

Hội đồng xét xử hội ý và quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Danh S; tiến hành xét xử vắng mặt ông S2 và Ủy ban nhân dân thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung:

Theo nội dung Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 được lập và công chứng tại Văn phòng công chứng T thì các ông, bà Nguyễn Danh Nh, Nguyễn Danh S, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Danh S1 (là các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th2) đồng ý tặng cho kỷ phần mà mỗi người được hưởng trong khối di sản thừa kế do cụ Th2 để lại là 1/2 thửa đất số 363, Tờ bản đồ số 1 có diện tích 535m² tại Tiểu khu P 2, phường T, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa cho cụ Nguyễn Danh S (là chồng của cụ Th2). Văn bản này được lập trên cơ sở đồng ý của các đồng thừa kế của cụ Th2 có mặt, ký tên tại Văn phòng công chứng T và Giấy ủy quyền lập ngày 07/5/2012 giữa ông Nguyễn Danh Nh và cụ Nguyễn Danh S, có chứng thực chữ ký của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa (BL11, 22). Tuy nhiên, ông Nh cho rằng thời điểm ký giấy ủy quyền ông đi làm kinh tế ở miền Nam, không có mặt tại Thanh Hóa và khẳng định chữ ký, chữ viết trong giấy ủy quyền ngày 7/5/2012 không phải là chữ ký, chữ viết của ông. Tại Bản kết luận giám định số 304/C54-P5 ngày 10/8/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận: Chữ ký Nhân và các chữ Nguyễn Danh Nh dưới mục người ủy quyền trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Danh Nh trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người viết ra (BL107).

Như vậy, căn cứ lời khai của ông Nh và kết quả giám định nêu trên thì ông Nh không ủy quyền cho cụ Nguyễn Danh S theo nội dung giấy ủy quyền ngày 07/5/2012 nên giấy ủy quyền nêu trên không có giá trị pháp lý, vi phạm quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch được quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005. Văn phòng công chứng T căn cứ vào giấy ủy quyền không có giá trị pháp lý để lập và công chứng Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 giữa cụ Nguyễn Danh S với các con của cụ là không đúng pháp luật. Cụ Nguyễn Danh S dùng giấy ủy quyền không có giá trị pháp lý để yêu cầu Văn phòng công chứng lập văn bản phân chia di sản thừa kế là vi phạm điều cấm của pháp luật nên Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 là văn bản vô hiệu. Mặt khác, Văn phòng công chứng T xác lập giao dịch dân sự cho Cụ S1 là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Danh Nh, nhưng Cụ S1 đồng thời lại là người thực hiện giao dịch dân sự với chính mình là không đúng quy định tại

khoản 5 Điều 144 BLDS 2005 (nay là khoản 3 Điều 141 BLDS 2015), kể cả trong trường hợp giấy ủy quyền có giá trị pháp lý.

Đối với đề nghị của Văn phòng công chứng T về việc xem xét đối tượng khởi kiện trong vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ quy định khoản 1 Điều 5 BLTTDS năm 2015 thì: “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Trong vụ án này, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 là văn bản vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp ngày 27/6/2012 mang tên cụ Nguyễn Danh S. Tòa án thụ lý, giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị xem xét lại đối tượng khởi kiện của Văn phòng công chứng T là không có cơ sở chấp nhận.

Ủy ban nhân dân huyện H căn cứ Văn bản phân chia di sản thừa kế do Văn phòng công chứng T lập, công chứng ngày 21/5/2012 bị vô hiệu để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cụ S1 là không đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ủy ban nhân dân huyện H cũng thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng pháp luật và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Cụ S1. Tại phiên tòa phúc thẩm, Cụ S1, ông S và bà L đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S2 và ông S. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết nên không thuộc phạm vi xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm. Nếu có tranh chấp thì các đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Đối với đề nghị xem xét lại chi phí giám định của Văn phòng công chứng T thấy: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 161 BLTTDS năm 2015 thì kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Văn phòng công chứng T phải chịu chi phí giám định là đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/5/2012 do Văn phòng công chứng T xác lập, công chứng bị vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 505083 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/6/2012 đứng tên cụ Nguyễn Danh S là có căn cứ.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Văn phòng công chứng T, cụ Nguyễn Danh S và bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân xã H, cô Ngô Thị A- cán bộ Tư pháp xã H và ông Lê Duy C - Phó chủ tịch UBND xã H là những người có liên quan đến việc chứng thực Giấy ủy quyền ngày 07/5/2012 của ông Nguyễn Danh Nh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã H đã có văn bản trình bày trong hồ sơ vụ án và Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác lấy lời khai của cô Ngô Thị A và ông Lê Duy C, là cán bộ công chức của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (nay là thành phố Th), tỉnh Thanh Hóa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót, nhưng thiếu sót này không làm thay đổi bản chất vụ án và những người này đều đã có lời khai về việc xác nhận giấy ủy quyền của ông Nh nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Song, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc xác định người tham gia tố tụng khi giải quyết vụ án.

[11] Về án phí: Do kháng cáo của Văn phòng công chứng T, cụ Nguyễn Danh S và bà Nguyễn Thị L không được chấp nhận nên các đương sự này phải chịu án phí phúc thẩm. Đối với tạm ứng án phí của ông Nguyễn Danh S sẽ sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Danh S.

Không chấp nhận kháng cáo của Văn phòng công chứng T, cụ Nguyễn Danh S và bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

Căn cứ Điều 128; khoản 2 Điều 136; khoản 5 Điều 144 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 123, khoản 3 Điều 141, điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015).

Căn cứ khoản 2 Điều 41; Điều 52; Điều 57 Luật công chứng; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 4 Điều 12 Luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Danh Nh.

Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế do Văn phòng công chứng T xác lập, công chứng ngày 21/5/2012, số công chứng số 540, quyển số 01/2012-TP/CC-SCC bị vô hiệu.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BL 505083 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Danh S.

Về án phí: Văn phòng công chứng T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2010/000464 ngày 09/01/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Cụ Nguyễn Danh S, ông Nguyễn Danh S và bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà Cụ S1, ông S2 và bà L đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/000469 ngày 11/01/2018; số AA/2010/000468 ngày 10/01/2018 và AA/2010/000465 ngày 10/01/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Văn phòng công chứng T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 5.000.000đ chi phí giám định mà nguyên đơn đã chi trả cơ quan giám định (nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để cơ quan Thi hành án Thanh Hóa hoàn trả lại cho nguyên đơn).

Hoàn trả cho ông Nh 200.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/000350 ngày 06/01/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Ông Nh được hoàn trả lại số tiền chi phí giám định 5.000.000đ do bị đơn phải chịu và có nghĩa vụ nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Phương Hạnh